

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 6 – 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Tây

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Út

Bà Lê Thị Diễm Thi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Diễm là Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn D, sinh năm: 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã C, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Trần Thị L1, sinh năm: 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã C, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Trần Diệu T2, sinh năm: 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã C, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Phạm Thị N, sinh năm: 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã C, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Nguyễn Hoàng T3, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực T, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp HB, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

5. Nguyễn Thị Mỹ V, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực B1, phường B2, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

6. Ngân hàng X.

Người đại diện theo pháp luật ông Dương Quyết T1, chức vụ Tổng giám đốc.

Đại diện ủy quyền bà Nguyễn Nhựt Y, sinh năm 1986 (có mặt).

Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng X thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: khu vực 5, phường A, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1998 anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 tổ chức lễ cưới, đến ngày 04/12/2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Hậu Giang, hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 đã ly thân từ tháng 3/2017 đến nay nên yêu cầu Tòa án được ly hôn với chị Trần Thị L1.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 có 03 con chung tên: 1/ Nguyễn Văn N1 (giới tính: Nam), sinh ngày 29/9/2000; 2/ Nguyễn Văn N2 (giới tính: Nam), sinh ngày 13/3/2005; 3/ Nguyễn Thị Kim C1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 15/2/2008, hiện các con đang sống chung với chị Trần Thị L1. Con muốn sống với cha hay mẹ thì anh Nguyễn Văn D cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 có các khoản nợ như sau:

- Nợ Ngân hàng X thị xã L số tiền 26.000.000 đồng.
- Nợ tiền vay của bà Trần Diệu T2 10.000.000 đồng.
- Nợ tiền mua thức ăn gia cầm của Nguyễn Hoàng T3 7.000.000 đồng.
- Nợ tiền của ông Nguyễn Hoàng M 3.000.000 đồng.
- Nợ tiền bà Phạm Thị N 4.000.000 đồng.
- Nợ tiền phân bón của chị Nguyễn Thị Mỹ V 4.000.000 đồng.

Bị đơn Trần Thị L1 trình bày: Thừa nhận lời trình bày của anh Nguyễn Văn D về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay anh Nguyễn Văn D yêu cầu ly hôn thì chị Trần Thị L1 đồng ý, con chung theo nguyện vọng của con, tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung chị L1 yêu cầu anh D trả hết số nợ trên.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Diệu T2 trình bày: Anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 thỏa thuận là anh Nguyễn Văn D sẽ trả cho bà số tiền 10.000.000 đồng thì Trần Diệu T2 đồng ý và không yêu cầu tính lãi suất. Bà đồng ý anh Nguyễn Văn D trả mỗi tháng 1.000.000 đồng khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ.

Bà Phạm Thị N trình bày: Anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 có nợ bà Phạm Thị N số tiền 4.000.000 đồng nhưng bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Mỹ V trình bày: Anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 có nợ bà số tiền 4.000.000 đồng nhưng bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Hoàng T3 trình bày: Anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 có nợ ông Nguyễn Hoàng T3 số tiền 7.000.000 đồng nhưng ông chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Hoàng M trình bày: Anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 có nợ ông Nguyễn Hoàng M số tiền 3.000.000 đồng nhưng ông chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngân hàng X, đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Nhựt Y trình bày: Anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 còn nợ của Ngân hàng X phòng giao dịch thị xã L số tiền 26.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng cho đến nay. Nay anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 thỏa thuận anh Nguyễn Văn D trả cho anh số tiền trên cho Ngân hàng thì bà Y cũng đồng ý, yêu cầu anh Nguyễn Văn D trả một lần khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1. Về con chung công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1, chị Trần Thị L1 chưa yêu cầu anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng nên chưa xem xét. Dành quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn D không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 là anh Nguyễn Văn D tiếp tục trả số tiền còn nợ cho bà Trần Diệu T2 10.000.000 đồng; trả cho Nguyễn Hoàng T3 7.000.000 đồng; trả cho Nguyễn Hoàng M 3.000.000 đồng; trả cho Phạm Thị N 4.000.000 đồng; trả cho Nguyễn Thị Mỹ V 4.000.000 đồng và trả cho Ngân hàng X, phòng giao dịch thị xã L là 26.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Mỹ V, Nguyễn Hoàng T3, Nguyễn Hoàng M và Phạm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Mỹ V, Nguyễn Hoàng T3, Nguyễn Hoàng M và Phạm Thị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 cùng thống nhất thuận tình ly hôn nên

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1.

[3] Về con chung: Trong quá trình sống chung anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 có 03 người con: 1/ Nguyễn Văn N1 (giới tính: Nam), sinh ngày 29/9/2000; 2/ Nguyễn Văn N2 (giới tính: Nam), sinh ngày 13/3/2005; 3/ Nguyễn Thị Kim C1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 15/2/2008. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 thỏa thuận chị Trần Thị L1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1, cháu N2 và cháu Chi. Xét thấy, tại bản tự khai của các con cũng thể hiện nguyện vọng được sống chung với chị Trần Thị L1, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con*”. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận cho chị Trần Thị L1 được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn N2 và cháu Nguyễn Thị Kim C1. Chị Trần Thị L1 chưa yêu cầu anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Dành quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn D không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung:

[4.1] Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự anh Nguyễn Văn D, chị Trần Thị L1, chị Trần Diệu T2, Ngân hàng X thị xã L cùng thống nhất thỏa thuận như sau:

Anh Nguyễn Văn D đồng ý trả số tiền vay 6.000.000 đồng và tiền lãi chưa trả đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/6/2018) là 287.211 đồng theo hợp số 650022067 ngày 30/9/2014 và số tiền vay 20.000.000 đồng và tiền lãi chưa trả đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/6/2018) là 789.833 đồng theo hợp số 650022067 ngày 24/9/2015 cho Ngân hàng X – Phòng giao dịch thị xã L. Tổng số tiền anh Nguyễn Văn D phải trả cho Ngân hàng X – Phòng giao dịch L theo hợp số 650022067 ngày 30/9/2014 là 6.287.211 đồng và theo hợp số 650022067 ngày 24/9/2015 là 20.789.833 đồng.

Anh Nguyễn Văn D đồng ý trả số tiền 10.000.000 đồng cho chị Trần Diệu T2. Mỗi tháng 1.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ.

[4.2] Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 đều thừa nhận vợ chồng có thiếu nợ Nguyễn Thị Mỹ V số tiền 4.000.000

đồng, Nguyễn Hoàng T3 số tiền 7.000.000 đồng, Nguyễn Hoàng M 3.000.000 đồng và Phạm Thị N 4.000.000 đồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án không có yêu cầu độc lập và không có mặt tại phiên tòa nên cũng không thể hiện được ý kiến của mình đối với nguyên đơn và bị đơn. Tuy nhiên, giữa anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 cùng thống nhất thỏa thuận là anh Nguyễn Văn D là người trả số tiền nợ này cho bà Nguyễn Thị Mỹ V, ông Nguyễn Hoàng T3, ông Nguyễn Hoàng M và bà Phạm Thị N. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn không ảnh hưởng đến quyền lợi của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử dành quyền khởi kiện cho bà Nguyễn Thị Mỹ V, ông Nguyễn Hoàng T3, ông Nguyễn Hoàng M và bà Phạm Thị N thành vụ án khác khi có yêu cầu.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Nguyễn Văn D phải chịu nộp 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngoài ra, anh Nguyễn Văn D phải chịu 2,5% án phí dân sự sơ thẩm là 926.926 đồng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Diệu T2 và Ngân hàng X thị xã L, tỉnh Hậu Giang không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 212 và Điều 213; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 9; Điều 27; Điều 37; Điều 53, Điều 56; Điều 60; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1.

2. Về con chung: Chị Trần Thị L1 được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên: 1/ Nguyễn Văn N1 (nam), sinh ngày 29/9/2000, 2/ Nguyễn Văn N2 (nam), sinh ngày 13/3/2005, 3/ Nguyễn Thị Kim C1 (nữ), sinh ngày 15/2/2008. Chị Trần Thị L1 chưa yêu cầu anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Anh Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị L1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự anh Nguyễn Văn D, chị Trần Thị L1, chị Trần Diệu T2, Ngân hàng X Phòng giao thị xã L có người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Nhật Y cùng thống nhất thỏa thuận như sau:

Anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng X – Phòng giao dịch thị xã L số tiền vốn và lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm là 27.077.044 đồng (trong đó, theo hợp số 650022067 ngày 30/9/2014 là 6.287.211 đồng và theo hợp số 650022067 ngày 24/9/2015 là 20.789.833 đồng).

Anh Nguyễn Văn D phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng số 650022067 ngày 30/9/2014 và theo hợp đồng số 650022067 ngày 24/9/2015 từ ngày 28/6/2018 cho đến khi hoàn thành việc trả nợ.

Anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả số tiền 10.000.000 đồng cho chị Trần Diệu T2. Mỗi tháng 1.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

5. Dành quyền khởi kiện cho bà Nguyễn Thị Mỹ V, ông Nguyễn Hoàng T3, ông Nguyễn Hoàng M và bà Phạm Thị N đối với ông Nguyễn Văn D thành vụ án khác khi có yêu cầu.

6. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Văn D phải nộp 150.000 đồng. Nguyên đơn Nguyễn Văn D được khấu trừ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số

0015416 phiếu lập ngày 05 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Văn D phải chịu 926.926 đồng (Chín trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Diệu T2 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015480 ngày 13/3/2018.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

7. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lư Trường Tây